

TRAO ĐỔI



Ý KIẾN

BẢN SẮC CỦA NGƯỜI KHƠ-ME Ở KHU VỰC BIÊN GIỚI TỈNH KIÊN GIANG

NGUYỄN VĂN THẮNG

LTS. Bản sắc tộc người là vấn đề khoa học hấp dẫn song cũng rất phức tạp và khó khăn khi xác định, nhất là trong môi trường đa tộc người. Bài báo này của Tiến sĩ Nguyễn Văn Thắng là một ví dụ sinh động qua cảnh huống của người Khơ-me ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang. Kết quả nghiên cứu của tác giả không chỉ có giá trị khoa học, mà còn góp phần cảnh báo những ai muốn sử dụng vấn đề bản sắc của người Khơ-me ở vùng biên giới Tây Nam Bộ vào ý đồ chính trị, nhất là những khía cạnh liên quan đến lịch sử và nguồn gốc tộc người. Bài báo cũng tham góp với các cơ quan có trách nhiệm trong việc củng cố và phát triển ý thức quốc gia của người dân ở khu vực có mối quan hệ dân tộc xuyên biên giới hiện nay.

Do tính phát hiện và tính thời sự của bài báo, Tạp chí Dân tộc học rất mong nhận được ý kiến trao đổi của bạn đọc.

Khác với vùng nội địa, người Khơ-me ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang thể hiện nhiều ảnh hưởng văn hoá của người Hoa, nhất là của người Việt (Kinh), tới mức những người khác tộc tại địa phương gọi họ là người Khơ-me “lai”. Bản thân những người Khơ-me ở đây cũng tự nhận mình như vậy. Thực tế này gợi lên vấn đề là với những ảnh hưởng văn hoá của người Việt và người Hoa, động thái bản sắc của người Khơ-me ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang hiện như thế nào? Đặc biệt, khác với vùng nội địa, ngoài mối quan hệ lịch sử về nguồn gốc và văn hoá, người Khơ-me ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang còn có mối quan hệ ngày càng tăng với những người đồng tộc ở Campuchia cũng như ở các nước khác. Vậy mối quan hệ đồng tộc xuyên biên giới này có

ảnh hưởng như thế nào tới ý thức của họ về tộc người và quốc gia?

Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu về động thái bản sắc của người Khơ-me tại 5 điểm nghiên cứu lựa chọn thuộc khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang (xem Biểu 1). Mục đích là để góp phần làm rõ ảnh hưởng của mối quan hệ của người Khơ-me với người Việt và người Hoa và với những người đồng tộc ở Campuchia cũng như ở các nước khác tới bản sắc, trong đó có ý thức của họ về tộc người và quốc gia.

1. Người Khơ-me ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang

Khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang tiếp giáp với Campuchia gồm có huyện Kiên Lương, huyện Giang Thành mới thành lập

trên cơ sở tách ra từ huyện Kiên Lương theo Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 29/6/2009 của Chính phủ, và thị xã Hà Tiên, với 56,8 km đường biên giới đất liền và 198 km đường biên giới trên biển.

Người Khơ-me là một trong 3 thành phần tộc người chính ở khu vực này, cụ thể, ngoài họ, còn có người Việt và người Hoa. Tính đến ngày 1/9/2009, dân số của người Khơ-me ở đây có 856 hộ, với 4.283 khẩu,

chiếm 9,82%, đứng vào hàng thứ 2 sau người Việt - có 8.391 hộ, 38.025 khẩu, chiếm 87,18% (Ban Dân tộc tỉnh Kiên Giang, 2009). Tại các địa phương, người Khơ-me thường cư trú xen kẽ với người Việt và người Hoa (xem Biểu 1). Do vậy, họ thường có những mối quan hệ và chịu ảnh hưởng qua lại nhiều mặt của người Hoa, nhất là của người Việt.

Biểu 1. Dân số, thành phần tộc người và tỉ lệ cư trú xen kẽ của cư dân tại các điểm nghiên cứu

Địa phương			Tổng dân số của ấp		Tộc người								
Ấp	Xã	Huyện, Thị xã	Hộ	Khẩu	Khơ-me			Việt			Hoa		
					Hộ	Khẩu	Tỉ lệ %	Hộ	Khẩu	Tỉ lệ %	Hộ	Khẩu	Tỉ lệ %
Hòn Chông	Binh An	Kiên Lương	773	1.569	140	726	13,45	568	1.246	78,15	65	313	8,40
Ba Trại			693	2.923	622	2.633	89,70	54	219	7,79	17	71	3,21
Ba Núi			230	1.313	53	75	23,04	149	1.081	64,78	28	157	12,17
Thạch Động	Mỹ Đức	Thị xã Hà Tiên	563	2.238	43	193	7,63	501	1.967	89,00	19	78	3,37
Xà Xía			341	1.695	201	1.185	58,95	117	409	34,31	23	101	6,74

Nguồn: Điều tra thực địa, 2009.

Cũng như ở các địa phương khác của Nam Bộ, người Khơ-me ở Kiên Giang nói chung, khu vực biên giới nói riêng, vốn có mối quan hệ lịch sử về nguồn gốc, ngôn ngữ và văn hoá với người Khơ-me ở Campuchia. Ví dụ, riêng ở xã Mỹ Đức thuộc thị xã Hà Tiên hiện có 134 hộ có quan hệ thân tộc với người Khơ-me ở bên kia biên giới của Campuchia (Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Hà Tiên, ngày 25/9/2009).

Qua hai cửa khẩu Giang Thành và Hà Tiên và các đường tiểu ngạch, người Khơ-me ở hai bên biên giới thường qua lại thăm thân, trao đổi hôn nhân, buôn bán, tìm

việc làm, tham dự các lễ hội Phật giáo Nam tông... Hơn nữa, sau cuộc kháng chiến chống Mỹ ở Việt Nam, đã có một số lượng nhất định người Khơ-me di tản ra nước ngoài, nhất là sang Hoa Kỳ sinh sống. Tới nay họ vẫn giữ mối quan hệ chặt chẽ với những người thân ở quê nhà tại Việt Nam. Thậm chí có người sau khi trở thành người Mỹ gốc Khơ-me vẫn trở về quê lấy vợ và đưa sang Hoa Kỳ. Mối quan hệ này một mặt giúp duy trì và tăng cường mối quan hệ tình cảm và vật chất của họ với những người thân ở Việt Nam nhưng mặt khác, cũng đã và đang bị lợi dụng để tiến hành các hoạt động phi pháp như truyền đạo trái phép, vượt

biên, tuyên truyền và kích động cho tư tưởng đòi “tự trị và ly khai”...

2. Bản sắc của người Khor-me ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang

Bản sắc của người Khor-me ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang được thể hiện ở những đặc trưng văn hoá mà người Khor-me xác nhận là những dấu hiệu để họ nhận ra nhau thuộc về một nhóm tộc người riêng trong sự phân biệt với các nhóm tộc người khác. Những đặc trưng văn hóa này gồm tộc danh, mối quan hệ về nguồn gốc, ngôn ngữ, loại hình nhà ở, kiến trúc chùa chiền, ẩm thực, phong tục cưới xin, ma chay, loại hình tôn giáo tín ngưỡng và nhất là ý thức của người Khor-me về tộc người và quốc gia.

2.1. Tộc danh

Tộc danh là dấu hiệu để người Khor-me nhận ra nhau và phân biệt mình với người khác tộc. Tương tự như ở các địa phương khác, người Khor-me ở Kiên Giang, trong đó có khu vực biên giới, có tên gọi là “*Khmer*” (ខ្មែរ). Tuy nhiên, trước đây, họ còn được gọi bằng những tên gọi khác ví dụ như “*Miên*”, chữ viết tắt của tên gọi “*Khmer*” được phiên qua tiếng Hán là “*Cao Miên*” (高棉), hay “*Thổ*” với nghĩa thổ dân, người dân bản địa dưới thời nhà Nguyễn; “*Cul*”, “*Cur*”, “*người Việt gốc Miên*” trước năm 1975... Do ngoài tên gọi “*Khmer*”, người Khor-me còn được gọi bằng các tên gọi khác, nhất là do tộc danh “*Khmer*” thường được phiên âm ra tiếng Việt và đọc theo những cách khác nhau, đôi khi hàm nghĩa miệt thị, vì vậy, ngày 12/5/1982, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Chỉ thị số 122/CT về công tác đối với đồng bào Khmer, trong đó quy định rõ tộc danh của người Khmer phải được

viết và đọc thống nhất là “*Khor-me*”. Nhưng ngoài tên gọi chính thức này, người Khor-me ở khu vực biên giới Kiên Giang vẫn thường được gọi chung theo vùng là “*Người Khor-me Crôm*” (Người Khor-me vùng thấp) hay “*Người Khor-me Tây Nam Bộ*”.

2.2. Mối quan hệ về nguồn gốc

Người Khor-me ở Tây Nam Bộ trong đó có khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang đều tin họ là di duệ của tổ tiên những người Khor-me đã di cư từ Campuchia tới cách đây khoảng trên 300 năm. Nhưng trên thực tế trong số họ đã có một số lượng đáng kể người Việt và người Hoa được liên kết vào người Khor-me thông qua các họ “áp đặt” và các họ “lai”.

Cụ thể, theo các tài liệu thư tịch và khảo cổ, khi Mạc Cửu và những dân binh người Minh Hương di cư từ Lôi Châu, Quảng Đông, Trung Quốc tới vào giữa thế kỷ 17, Hà Tiên là một trấn hoang vu. Vì là vùng đất hoang nên một số di dân người Việt và người Khor-me là những người tha phương cầu thực, trốn chạy khỏi chế độ áp bức bóc lột của các thế lực phong kiến, tội phạm của triều đình... đã đến đây ẩn trốn và sinh cơ lập nghiệp. Để giấu đi tung tích của mình, họ thường thay tên đổi họ hoặc chưa từng có họ như người Khor-me. Vì vậy, khi lập các xã, thôn, Mạc Cửu ra lệnh người nào được bầu hoặc được cử làm trưởng thôn đều phải lấy chữ đầu hoặc chữ cuối của tên thôn đó làm họ, những người ở trong thôn bất kể là ai đều phải lấy theo “họ” của trưởng thôn. Kết quả là trong những trường hợp người Khor-me làm trưởng thôn thì người Việt và người Hoa đều phải mang tên “họ” của người này và được liên kết vào người Khor-me.

Thêm vào đó, còn có những người Việt và người Hoa hoà vào người Khor-me thông qua con đường hôn nhân hỗn hợp tộc người. Theo các thông tin viên người Khor-me, trước những năm 1990 hay trước thời kỳ Đổi mới, người Việt và người Hoa ít kết hôn với người Khor-me. Hơn nữa, nếu có kết hôn, cũng chỉ theo một chiều, nghĩa là con trai người Việt hay người Hoa lấy con gái người Khor-me. Nhưng sau thời điểm này, số lượng các cuộc hôn nhân hỗn hợp giữa người Việt và người Hoa với người Khor-me đã tăng lên và theo cả hai chiều (Biểu 2). Nguyên do là số lượng người Khor-me làm ăn khá, giỏi và có thu nhập cao ngày một tăng. Thậm chí có những hộ như gia đình ông Danh Phai ở tổ 6, ấp Xà Xía, xã Mỹ Đức buôn bán giỏi và trở nên giàu có

không thua kém các gia đình giàu có người Hoa và người Việt tại địa phương. Chính sự vươn lên về kinh tế của người Khor-me đã và đang làm thay đổi cách nhìn nhận đánh giá và thái độ ứng xử của người Việt và người Hoa với người Khor-me. Và lại, theo các thông tin viên người Khor-me, kết hôn với con gái người Việt hay người Hoa sẽ tránh được tiền thách cưới cao. Cụ thể, nếu con trai người Khor-me lấy con gái người đồng tộc thì tiền thách cưới mà người Khor-me gọi là “*chun loi srây*” (tiền chợ) thường cao. Tuy nhiên, số lượng tiền thách cưới này còn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế riêng của hai gia đình thông gia và sắc đẹp, tính nết của cô dâu tương lai. Nhưng “tiền chợ” thấp nhất cũng phải khoảng 5 triệu đồng.

Biểu 2. Số lượng các cuộc hôn nhân với người khác tộc

Tên địa phương	Khor-me - Việt	Việt - Khor-me	Khor-me - Hoa	Hoa - Khor-me	Việt - Hoa	Hoa - Việt	Khor-me - Khmer Campuchia	Với người Mỹ gốc Khor-me
Xã Bình An, huyện Kiên Lương	19	12	2	6	0	16	4	2

Nguồn: Theo sổ đăng ký hộ tịch hộ khẩu của xã Bình An từ năm 2007 tới nay.

Hiện người Khor-me theo chế độ phụ quyền. Vì vậy, con cái sinh ra phải tính theo dòng cha và phải mang họ cha. Nhưng vì mục đích thực dụng, cụ thể, để hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với đồng bào các tộc thiểu số, nhất là với con cái họ, nên trong khi con cái sinh ra vẫn mang họ bố là người Việt hoặc người Hoa, thành phần tộc người của các cháu lại thường khai theo mẹ tức người Khor-me. Theo con đường này, tên các họ của người Việt, người Hoa đã và đang nhập vào người Khor-me và dẫn tới sự pha trộn về nguồn gốc tộc người.

2.3. Ngôn ngữ

Cũng như ở các địa phương khác, tiếng Khor-me ở khu vực biên giới Kiên Giang thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khor-me, ngữ hệ Nam Á. Tuy có 3 phương ngữ¹ với những khác biệt nhất định về ngữ âm và từ vựng nhưng tiếng Khor-me ở Nam Bộ là thống nhất. Ngôn ngữ này thể hiện những

¹ Đó là các phương ngữ Rạch Giá (ở Kiên Giang và An Giang), Trà Vinh (Trà Vinh, Vĩnh Long và Cần Thơ) và phương ngữ Sóc Trăng (Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau) (Đoàn Thanh Nô, 2002, tr. 30).

đặc trưng riêng: là ngôn ngữ không thanh điệu, có hệ thống ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và hệ thống chữ viết riêng. Song điều cần lưu ý là chính những người Khor-me tại các điểm nghiên cứu cũng xác nhận rằng tiếng nói của họ không còn “chuẩn” nữa, nghĩa là so với tiếng “Miên” (tiếng của người Khmer ở Campuchia). Thực tế này do có sự hỗn hợp về thành phần tộc người; sự khác biệt về phương ngữ; sự vay mượn ngày càng tăng số lượng từ vựng, trong đó có nhiều từ được phát âm trại đi của tiếng Hoa, nhất là của tiếng Việt; sự thiếu quan tâm của các bậc cha mẹ người Khor-me trong việc dạy và uốn nắn cách phát âm và cách nói tiếng mẹ đẻ cho con cái và do trẻ em Khor-me thường giao tiếp với người Việt và người Hoa biết nói tiếng Khor-me nhưng không “chuẩn”.

2.4. Những đặc trưng văn hoá

Những đặc trưng văn hoá tạo thành bản sắc của người Khor-me ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang được thể hiện ở kiến trúc nhà ở truyền thống: nhà nhỏ (1-3 gian) làm bằng các cột cây đước, cây tràm, mái lợp bằng lá dừa nước hoặc lá chàm đốt, vách cũng thung bằng vật liệu như dùng để lợp mái hoặc trát bằng rom bùn; ở kiến trúc và trang trí các chùa Nam Tông: chùa mái cong, lợp ngói, với các bức phù điêu trạm khắc hoặc đắp nổi như hình rắn Naga, rắn 5 đầu, tượng linh thú... ở cổng chùa, mái, nóc và hồi, các tranh chuyện thể hiện các đề tài có nguồn gốc từ các tích của nhà Phật và các loại hoa văn trang trí như hình hoa sen, hoa cúc, hoa dây leo với 6 màu chủ đạo là xanh lam, vàng, đỏ, trắng, màu cá vàng, màu ánh lửa và các tượng Phật trong gian chính điện; ở các món ăn đặc trưng Khor-me: bánh khọt, bánh thốt nốt, mắm bò hóc và bún mắm.

Những đặc trưng văn hoá của người Khor-me còn được thể hiện trong nghi lễ cưới xin. Trước những năm 1990, người Khor-me chủ yếu kết hôn trong nội bộ tộc người, theo nguyên tắc ngoại hôn trừ anh em ruột hoặc anh em cô dì, chú, bác. Vì nội tộc hôn nên khi người Khor-me xác định ai có thể và không thể kết hôn, ý thức của họ về ranh giới tộc người nổi lên một cách rõ nét. Thêm vào đó là những đặc trưng riêng thể hiện ở các giai đoạn kết hôn: làm mối (*sam nua*), làm đám hỏi (*đònh đàng*) và lễ cưới (*chul thngay ka*); các nghi lễ trong đám cưới: lễ cột chỉ cổ tay cô dâu chú rể (*chon đay*), lễ động phòng (*chon mung*), tục chung giường (*phor som đom nêk*)² cho đôi vợ chồng mới cưới, tục cô dâu mò trên đồng gạo trong ngày cưới (*reo ong ko rép*)³.

Tang lễ của người Khor-me cũng thể hiện những đặc trưng riêng: tổ chức theo nghi lễ của Phật giáo Nam tông: bày tỏ tình cảm thương tiếc của người thân trong gia quyến, họ hàng và bà con láng giềng đối với người chết, cầu siêu và hòa tang; lễ dâng phước (*bon đă*) cho linh hồn người quá cố

² Trước hết, gia chủ mời 2 người đàn bà có tuổi, đã làm cưới theo đúng phong tục, gia đình hạnh phúc và khá giả trải chiếu cho đôi tân hôn: gấp đôi chiếu với mặt phải vào trong và trải xuống đất, dọn bánh trái, nước trà, cau, nhang đèn để cúng tổ tiên cho cặp tân hôn; sau khi cặp tân hôn bón chuối cho nhau ăn, dẫn họ vào phòng tân hôn; hướng dẫn cho người vợ lấy nước rửa chân cho chồng và dùng tóc của mình lau khô bàn chân đã rửa cho chồng và dạy cho đôi tân hôn cách nằm ngủ.

³ Người Khor-me có tục cho cô dâu mò trên đồng gạo vào ngày cưới để xem may rủi: sau lưng cô dâu để một đồng gạo trên đó có 1 chiếc gáo dừa, 1 cái tay gạt và 1 cái ly để uống rượu... Cô dâu đưa hai tay về phía sau mò 3 lần với niềm tin là thứ mò được phần ánh đức tính của chồng, ví dụ nếu mò được gáo dừa, người chồng sẽ biết làm ăn, mò được ly rượu người chồng sẽ chỉ biết nhận nợ...

sau khi mất từ 7 đến 9 ngày và lễ 100 ngày hay lễ mãn tang (*xả tang*).

Tôn giáo tín ngưỡng đặc trưng của người Khơ-me là Phật giáo Nam tông với triết lý cúng dâng cho Phật, cho chùa càng nhiều thì càng để lại nhiều phúc lộc cho con cháu. Đi tu làm sãi (tu trả lễ) hay đi tu làm sư là bổn phận và vinh hạnh của người Khơ-me; việc tổ chức, tham gia và dâng cúng các nghi lễ của nhà Phật là bổn phận của người Khơ-me: tết *Chól Ch'năm Thmây* (12-14 tháng 4 dương lịch hàng năm), lễ *Đônta* (xả tội vong nhân vào ngày 3 tháng 8 hàng năm), lễ *Ok Ambok* (lễ cúng trăng vào ngày 15 tháng 10); các lễ cúng dân gian là lễ cúng Ông Tà (*Nek ta*) và lễ đua ghe và các loại hình văn học viết gồm truyện, thơ... gọi là *satra* là sách văn học viết trên lá *salâcrit*, có nghĩa là *lá bó* tức *lá buông* (sau này người ta còn dùng lá cây thốt nốt làm *lá bó*).

Nhưng điều cần lưu ý là những đặc trưng văn hoá trên đã và đang biến đổi. Ví dụ, số người Khơ-me đi tu làm sư tại các chùa Nam Tông ngày càng giảm; ngay cả vào các dịp lễ lớn, ví dụ như lễ *Đônta*, chỉ còn những người từ trung tuổi trở lên tham dự phần hành lễ trong chùa; các đồ dâng cúng cũng giảm đi về số lượng và giá trị vật chất...

2.5. Tự ý thức của người Khơ-me về tộc người và quốc gia

Người Khơ-me ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang vẫn có ý thức mình là một tộc người riêng, thuộc một quốc gia riêng là Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Ý thức này càng nổi lên một cách rõ nét khi đồng bào phải làm các thủ tục qua lại biên giới Campuchia.

Bình thường, đồng bào chỉ xem những người đồng tộc ở Campuchia như là những người láng giềng. Vì vậy, ngay cả sau khi kết hôn với người đồng tộc ở hai bên biên giới, người Khơ-me vẫn thường xuyên trở về gia đình bố mẹ đẻ để thăm hỏi và nhất là để canh tác phần ruộng được chia làm tài sản thừa kế. Có những trường hợp, một số người Khơ-me lại có biểu hiện chưa phân biệt rõ ràng về mối quan hệ quốc gia - dân tộc. Ví dụ, thay vì nói người Việt, họ nói “*người Việt Nam*”, thay vì nói tiếng Việt, họ nói “*tiếng Việt Nam*”, tiếng nói của chúng tôi (nghĩa là của người Khơ-me) đã bị lai tạp nhiều không còn chuẩn như “*tiếng Miên*” (tiếng của người Khmer ở Campuchia), do chúng tôi không nói sõi “*tiếng Việt Nam*”... Thêm vào đó, một số người Khơ-me ở các điểm nghiên cứu còn quan tâm nhiều hơn tới đời sống chính trị, kinh tế - xã hội và văn hóa của người Khmer ở Campuchia. Do số lượng các gia đình người Khơ-me mua angten chảo để xem các chương trình truyền hình của Campuchia ngày càng tăng nên có người thường biết rất rõ về tình hình chính trị, kinh tế - xã hội ở Campuchia - từ chuyện lũ lụt tới chuyện tranh cử của các đảng phái chính trị... Điều đáng lưu ý là đã có một số người Khơ-me, chủ yếu là sư sãi ở Tây Nam Bộ, trong đó có ở tỉnh Kiên Giang, bị kích động bởi các thế lực thù địch tham gia biểu tình chống đối chính quyền ngày 8/2/2007 tại Sóc Trăng, tham gia một số vụ biểu tình gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ ở các thành phố Cần Thơ, Sóc Trăng, trụ sở UBND xã và huyện Tịnh Biên, Tri Tôn, tỉnh Kiên Giang... (xem Thái Bình: Báo điện tử Công an nhân dân: <http://antg.cand.com.vn> ngày 20/04/2010).

Qua trình bày ở trên có thể thấy không phải tất cả những người Khơ-me ở Nam Bộ, trong đó có khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang, đều là di duệ của tổ tiên những di dân người Khơ-me từ Campuchia. Đã có một số lượng nhất định người Việt và người Hoa hòa vào người Khơ-me qua các họ “áp đặt” và “họ lai”. Vì vậy, tổ tiên mà hiện họ tin là có chung với nhau có khi không phải là thật mà chỉ là “tương tượng”. Tương tự, người Khơ-me vốn không có họ nên các họ hiện nay của đồng bào chủ yếu là các họ “áp đặt” và “lai”. Những đặc trưng văn hoá, kể cả ngôn ngữ, thể hiện bản sắc của người Khơ-me ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang cũng đang biến đổi ngày càng tăng. Tuy đồng bào vẫn có ý thức mình là một tộc người riêng, thuộc một quốc gia riêng có chủ quyền là Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, nhưng đôi khi ý thức này của một số người không thật sự rõ ràng. Vì vậy, ở nơi công cộng, ví dụ như ở các trung tâm hành chính, chợ, siêu thị... khó nhận ra ai là người Khơ-me nếu dựa vào những dấu hiệu bên ngoài.

Trong bối cảnh, ngoài mối quan hệ về nguồn gốc, ngôn ngữ và văn hoá, người Khơ-me ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang sống trong các ấp có khi chỉ cách các bản làng của người Khmer ở Campuchia một cánh đồng, một vạt ruộng hay thậm chí một bờ ruộng, có các mối quan hệ ngày càng tăng về hôn nhân, trao đổi buôn bán, văn hoá... với những người đồng tộc ở bên kia biên giới và các thế lực thù địch ví dụ như của tổ chức *Khmer Kampuchea-Krom Federation*, viết tắt là KKF (Liên minh

Khơ-me Crôm Campuchia) có trụ sở tại Comlumbus, Ohio, Hoa Kỳ, thường xuyên truyền và kích động đồng bào đấu tranh đòi “tự trị và ly khai” thì việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền để củng cố và nâng cao ý thức của đồng bào về tộc người và quốc gia là hết sức cần thiết và quan trọng.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc, UBND tỉnh Kiên Giang (2009), *Biểu tổng hợp dân số các dân tộc thiểu số tỉnh Kiên Giang*.
2. Ban Bí thư Trung ương Đảng (29/9/1981), *Chỉ thị 117-CT/TW về tên gọi của tộc người Khơ-me*.
3. Báo điện tử Công an nhân dân ngày 20/04/2010: <http://antg.cand.com.vn>
4. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (12/5/1982), *Chỉ thị số 122/CT về công tác đối với đồng bào Khơ-me*.
5. Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khơ-me Nam Bộ (Những vấn đề nhìn lại)*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
6. Lê Trung Hoa (2002), *Họ và tên người Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Sơn Phước Hoan (2006), “Phiên âm, đọc tên dân tộc Khmer”, *Báo Dân tộc điện tử* ngày 27/12/2006: <http://cema.gov.vn>.
8. Đoàn Thanh Nô (2002), *Người Khmer ở Kiên Giang*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
9. UBND xã Bình An (2007), *Sổ đăng ký hộ tịch hộ khẩu các ấp Hòn Chông, Ba Trại và Ba Núi*.